

Số: 57/BC-THCSNK

Nà Khoa, ngày 31 tháng 5 năm 2025

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
Năm học 2024-2025

I. THÔNG TIN CHUNG¹

1. Tên trường: Trường PTDTBT THCS Nà Khoa

2. Địa chỉ: Bản Nà Khoa, xã Nà Khoa, huyện Nậm Pồ, tỉnh Điện Biên.

Số điện thoại: 0944899078

Hộp thư điện tử: ptdtbthcsnakhoa.nahy@ms.dienbien.edu.vn

Web: <https://thcsnakhoa.nampo.edu.vn>

3. Loại hình trường: Công lập, trực thuộc Ủy ban nhân dân huyện Nậm Pồ.

4. Sứ mệnh, tầm nhìn, mục tiêu của nhà trường

*** Sứ mệnh**

Tạo dựng được môi trường Dạy tốt - Học tốt để học sinh “*Mỗi ngày đến trường là một ngày vui*”, giáo viên cũng cảm nhận được “*Mỗi ngày đến trường là một ngày hạnh phúc*” từng bước xây dựng Nhà trường hạnh phúc.

Giáo dục được những thế hệ học sinh có đạo đức, có tri thức, có niềm tin, có kỹ năng, tự chủ và sáng tạo.

Tầm nhìn

Xây dựng nhà trường có uy tín về chất lượng; là nơi để cha mẹ học sinh yên tâm gửi gắm con em học tập và rèn luyện, là nơi để mọi học sinh đều có cơ hội phát triển toàn diện mọi mặt của bản thân.

Mục tiêu tổng quát

Xây dựng Nhà trường thực sự có uy tín về chất lượng giáo dục toàn diện, theo hướng tiên tiến phù hợp với xu thế phát triển của đất nước trong thời kỳ hội nhập.

5. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của nhà trường

Trường PTDTBT THCS Nà Khoa tiền thân là trường THCS Nà Khoa, được thành lập theo Quyết định số **704/QĐ-UBND ngày 06/6/2007 của Ủy ban nhân dân huyện Mường Nhé**. Đến tháng 6 năm 2011, theo quyết định số **828/QĐ-UBND của UBND huyện Mường Nhé**, chuyển đổi tên trường thành trường PTDTBT THCS Nà Khoa

Tổng số viên chức: 29, Nữ: 14.

Trong đó: CBQL: 03; GV: 18; NV: 8.

Trình độ chuyên môn:

+ CBQL trên chuẩn: 01, đạt chuẩn: 02

+ Số lượng GV đạt chuẩn: 18/18, tỉ lệ 100%.

+ Số lượng nhân viên đạt chuẩn và trên chuẩn: 04/04 (Trình độ Đại học 03) chưa qua đào tạo 04 đồng chí (Bảo vệ và nhân viên nuôi dưỡng).

+ GV hoàn thành các Chương trình bồi dưỡng hàng năm theo quy định: 18 (100%)

6. Thông tin người đại diện pháp luật

¹ Bao gồm các thông tin được quy định tại **Điều 4** của Thông tư này.

Hiệu trưởng: Nguyễn Văn Công
Địa chỉ công tác: Trường PTDTBT THCS Nà Khoa, xã Nà Khoa, huyện Nậm Pồ, tỉnh Điện Biên.

Số điện thoại: 0944 899078

Hộp thư điện tử: ptdtbtthcsnakhoa.nahy@ms.dienbien.edu.vn

7. Tổ chức bộ máy

a) Nhà trường được thành lập theo Quyết định số 704/QĐ-UBND ngày 06/6/2007 của Ủy ban nhân dân huyện Mường Nhé. Đến tháng 6 năm 2011, theo quyết định số 828/QĐ-UBND của UBND huyện Mường Nhé, chuyển đổi tên trường thành trường PTDTBT THCS Nà Khoa

b) Hiệu trưởng nhà trường: Nguyễn Văn Công được bổ nhiệm theo quyết định số 1641/QĐ-UBND ngày 06 tháng 09 năm 2022 của Ủy ban nhân dân huyện Nậm Pồ về việc bổ nhiệm có thời hạn (05 năm) Hiệu trưởng trường PTDTBT THCS Nà Khoa.

Phó Hiệu trưởng nhà trường: Ông Cà Văn Thế được bổ nhiệm theo quyết định số 1640/QĐ-UBND ngày 06 tháng 09 năm 2022 của Ủy ban nhân dân huyện Nậm Pồ về việc bổ nhiệm có thời hạn Phó Hiệu trưởng trường PTDTBT THCS Nà Khoa.

Phó Hiệu trưởng nhà trường: Ông Lê Quốc Hoàn được bổ nhiệm theo quyết định số 1260 /QĐ-UBND ngày 29 tháng 4 năm 2024 của Ủy ban nhân dân huyện Nậm Pồ về việc bổ nhiệm có thời hạn chức vụ Phó Hiệu trưởng trường PTDTBT THCS Nà Khoa.

c) Quy chế tổ chức và hoạt động của cơ sở giáo dục; chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của nhà trường; sơ đồ tổ chức bộ máy của cơ sở giáo dục

Xây dựng quy hoạch phát triển nhà trường; xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch nhiệm vụ năm học; báo cáo, đánh giá kết quả thực hiện trước Hội đồng trường và các cấp có thẩm quyền;

Thành lập các tổ chuyên môn, tổ văn phòng và các hội đồng tư vấn trong nhà trường; bổ nhiệm tổ trưởng, tổ phó; đề xuất các thành viên của Hội đồng trường trình cấp có thẩm quyền quyết định; Quản lý giáo viên, nhân viên; quản lý chuyên môn; phân công công tác, kiểm tra, đánh giá xếp loại giáo viên, nhân viên; thực hiện công tác khen thưởng, kỉ luật đối với giáo viên, nhân viên; ký hợp đồng lao động với giáo viên, nhân viên sau khi có phê duyệt của các cơ quan có thẩm quyền; đề nghị tiếp nhận, điều động giáo viên, nhân viên theo quy định của Nhà nước;

Quản lý học sinh và các hoạt động của học sinh do nhà trường tổ chức; xét duyệt kết quả đánh giá, xếp loại học sinh, ký xác nhận học bạ, quyết định khen thưởng, kỷ luật học sinh;

Quản lý tài chính, tài sản của nhà trường; thực hiện các chế độ chính sách của Nhà nước đối với giáo viên, nhân viên, học sinh; tổ chức thực hiện quy chế dân chủ trong hoạt động của nhà trường; thực hiện công tác xã hội hoá giáo dục của nhà trường; Chỉ đạo thực hiện các phong trào thi đua, các cuộc vận động của ngành; Công khai mục tiêu, nội dung các hoạt động giáo dục, nguồn lực và tài chính, kết quả đánh giá chất lượng giáo dục.

Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của nhà trường

Xây dựng chiến lược, kế hoạch phát triển nhà trường gắn với điều kiện kinh tế - xã hội của địa phương; xác định tầm nhìn, sứ mệnh, các giá trị cốt lõi về giáo dục, văn hóa, lịch sử và truyền thống của nhà trường.

Xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch giáo dục (KHGD) của nhà trường theo chương trình GDPT do Bộ GD-ĐT ban hành. Phối hợp với gia đình học sinh (HS), tổ chức và cá nhân trong các HĐGD.

Tuyển sinh, tiếp nhận và quản lý HS theo quy định của Bộ GD-ĐT.

Thực hiện kế hoạch phổ cập GD trong phạm vi được phân công.

Tổ chức cho GV, nhân viên (NV), HS tham gia các hoạt động xã hội.

Quản lý GV, NV theo quy định của pháp luật.

Huy động, quản lý, sử dụng các nguồn lực cho hoạt động giáo dục (HĐGD) theo quy định của pháp luật.

Quản lý, sử dụng và bảo quản cơ sở vật chất (CSVC), trang thiết bị theo quy định của pháp luật.

Thực hiện các hoạt động về bảo đảm chất lượng GD, đánh giá và kiểm định chất lượng giáo dục theo quy định của Bộ GD-ĐT.

Thực hiện công khai về cam kết chất lượng GD, các điều kiện bảo đảm chất lượng giáo dục và thu, chi tài chính theo quy định của pháp luật.

Thực hiện dân chủ, trách nhiệm giải trình của cơ sở GD trong quản lý các (HĐGD); bảo đảm việc tham gia của HS, gia đình và xã hội trong quản lý các HĐGD theo quy định của pháp luật.

Thực hiện các nhiệm vụ và quyền khác theo quy định của pháp luật.

Sơ đồ tổ chức bộ máy của nhà trường

01 Hiệu trưởng và 02 phó Hiệu trưởng.

01 Hội đồng thi đua khen thưởng.

Hội đồng kỷ luật (thành lập khi xử lý kỷ luật theo Điều lệ nhà trường).

Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam có: 01 chi bộ gồm 21 đảng viên.

Tổ chức Công đoàn có 31 công đoàn viên.

Ban đại diện CMHS.

Các tổ chuyên môn: 02 tổ chuyên môn và 01 tổ Văn phòng.

e) Họ và tên, chức vụ, điện thoại, địa chỉ thư điện tử, địa chỉ nơi làm việc, nhiệm vụ, trách nhiệm của lãnh đạo nhà trường

ST T	Họ và Tên	Chức vụ	Số điện thoại	Hộp thư điện tử	Nhiệm vụ
1	Nguyễn Văn Công	HT	0944899078	nguyenvancong.ththcsnakhos@ms.dienbien.edu.vn	Phụ trách chung
2	Lê Quốc Hoàn	P. HT	0818138986	lequochoan.ththcsnakhos@ms.dienbien.edu.vn	Phụ trách chuyên môn
3	Cà Văn Thế	P. HT	0336618857	cavanthe.ththcsnakhos@ms.dienbien.edu.vn	Phụ trách CSVC, Bán trú

8. Các văn bản khác của nhà trường:

Chiến lược phát triển của cơ sở giáo dục; quy chế dân chủ ở cơ sở của cơ sở giáo dục; các nghị quyết của hội đồng trường; quy định về quản lý hành chính, nhân

sự, tài chính; chính sách thu hút, phát triển đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục; quy chế chi tiêu nội bộ.

II. ĐỘI NGŨ NHÀ GIÁO, CÁN BỘ QUẢN LÝ VÀ NHÂN VIÊN²

1. Đội ngũ viên chức nhà trường

Vị trí việc làm		SL	Nữ	Dân tộc	Trình độ đào tạo					Ghi chú
					Th.sĩ	ĐH	CD	TC	Khác	
TOÀN TRƯỞNG		29	14	20	02	22	0	1	4	
Hiệu trưởng		01			01					
Phó Hiệu trưởng		02	0	1	0	02				
Giáo viên		18	8	11	01	17	0			
Toán		02	0	2	01	01				
KHTN	Lý	01	0	1	0	01				
	Hóa	02	0	02		02				
	Sinh	03	2	02		03				
Ngữ văn		02	02	01		02				
LS&DL	Lịch sử	03	01	03		03				
	Địa lý	01	0	01		01				
Tiếng Anh		01	0	01		01				
GD&CD		0	0	0		0				
GDTC		02	02	0		02				
Nghệ thuật	Âm nhạc	0	0	0		0				
	Mỹ thuật	0	0	0		0				
Tin học		02	2	0		02				
Công nghệ		00	0	0		00				
Nhân viên		03	01			03				
Kế toán		1	1	1		1				
Văn thư, thủ quỹ		01	0	1		01				
Y tế		1	1	1		1				
Thiết bị, TNTH		0	0	0		0				
Thư viện		01	01	01		01				
Bảo vệ		01	0	1					01	Hợp đồng
Nuôi dưỡng		03	03	03					03	Hợp đồng

Tỉ lệ GV/lớp: 18/8 = 2,25 GV/lớp (THCS)

Trình độ chuyên môn:

Lãnh đạo nhà trường: 01 trên chuẩn; 02 đạt chuẩn

Giáo viên dạy lớp: 18 đạt chuẩn, 08 nữ; chưa đạt chuẩn: 0 đc

² Bao gồm các thông tin của năm báo cáo được quy định tại khoản 1 Điều 6, khoản 1 Điều 8, khoản 1 Điều 10 của Thông tư này, đối sánh số liệu với năm trước liền kề.

Đạt chuẩn nghề nghiệp: GV: Tốt 04, khá 14; CBQL: Tốt 0, khá 03.
100% cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên hoàn thành bồi dưỡng hàng năm.

III. CƠ SỞ VẬT CHẤT³

1. Hiện trạng cơ sở vật chất

Nội dung	Số lượng/ Diện tích	Ghi chú
Diện tích đất	20.000,7 m ²	
Phòng học	8 phòng	
Phòng làm việc	6 phòng	
Văn phòng	1	
Phòng Thường trực		
Phòng nghỉ giáo viên		
Phòng Y tế	1	
Phòng Giáo viên		
Phòng Truyền thống + Đoàn Đội	1	
Phòng Bộ môn Âm nhạc		
Phòng Bộ môn Mỹ thuật		
Phòng Bộ môn Tiếng anh	1	
Phòng Khoa học xã hội	1	
Phòng đa chức năng		
Phòng Tin học	1	
Hội trường	1	
Phòng thực hành Lý		
Phòng thực hành KHCN		
Phòng thực hành Hóa Sinh	1	
Phòng Thiết bị	1	
Phòng Tổ bộ môn + Tổ Văn phòng	3	
Phòng Tư vấn tâm lý học đường		
Kho	2	
Phòng Hiệu trưởng	1	
Phòng Phó Hiệu trưởng	2	
Thư viện	1	
Phòng bảo vệ	1	
Đường truyền mạng	03	

³ Bao gồm các thông tin của năm báo cáo được quy định tại khoản 2 Điều 6, **khoản 2 Điều 8**, khoản 2 Điều 10 của Thông tư này, đối sánh số liệu với năm trước liền kề.

Nội dung	Số lượng/ Diện tích	Ghi chú
Số máy vi tính	25 bộ	
Màn hình tương tác	04	
Màn hình Smart TV	06 cái	
Máy Photo	01 cái	
Bộ âm thanh	01 bộ	

Số lượng và chất lượng phòng học đảm bảo tổ chức các hoạt động giáo dục của nhà trường.

2. Số thiết bị dạy học hiện có theo Chương trình GDPT 2018, năm học 2024-2025

STT	KHỐI LỚP	SỐ LƯỢNG HIỆN CÓ	SỐ LƯỢNG ĐỊNH MỨC TỐI THIỂU THEO THÔNG TƯ 38/2021/TT-BGDĐT	ĐỀ XUẤT CẤP NĂM HỌC 2024-2025
1	6	53		
2	7	77		
3	8	95		
4	9			
5	T	225		

3. Danh mục sách giáo khoa sử dụng trong nhà trường đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt

**DANH MỤC SÁCH GIÁO KHOA LỚP 6, 7, 8, 9
SỬ DỤNG TRONG CƠ SỞ GIÁO DỤC PHỔ THÔNG TẠI TỈNH ĐIỆN BIÊN**

1. Lớp 6:

T T	Tên sách	Tên tác giả	Nhà xuất bản	Bộ sách
1	Ngữ văn 6 Tập 1	Bùi Mạnh Hùng (Tổng chủ biên), Nguyễn Thị Ngân Hoa (Chủ biên), Nguyễn Linh Chi, Nguyễn Thị Mai Liên, Lê Trà My, Lê Thị Minh Nguyệt, Nguyễn Thị Nương, Nguyễn Thị Hải Phương	Giáo dục Việt Nam	Kết nối tri thức và cuộc sống
	Ngữ văn 6 Tập 2	Bùi Mạnh Hùng (Tổng chủ biên), Nguyễn Thị Ngân Hoa (Chủ biên), Phan Huy Dũng, Phạm Đăng Xuân	Giáo dục Việt Nam	Kết nối tri thức và cuộc sống

		Hương, Đặng Lưu, Nguyễn Thanh Tùng		
2	Toán 6 Tập 1	Hà Huy Khoái (Tổng Chủ biên), Nguyễn Huy Đoan (Chủ biên), Nguyễn Cao Cường, Trần Mạnh Cường, Doãn Minh Cường, Sĩ Đức Quang, Lưu Bá Thắng	Giáo dục Việt Nam	Kết nối tri thức và cuộc sống
	Toán 6 Tập 2	Hà Huy Khoái (Tổng Chủ biên), Nguyễn Huy Đoan (Chủ biên), Nguyễn Cao Cường, Trần Mạnh Cường, Doãn Minh Cường, Sĩ Đức Quang, Lưu Bá Thắng	Giáo dục Việt Nam	Kết nối tri thức và cuộc sống
3	Tiếng Anh 6 English Discover y	Trần Thị Lan Anh (Chủ biên), Hoàng Thị Minh Lý	Đại học Sư phạm	
4	Giáo dục công dân 6	Nguyễn Thị Toan (Tổng Chủ biên), Trần Thị Mai Phương (Chủ biên), Nguyễn Hà An, Nguyễn Thị Hoàng Anh, Phạm Thị Kim Dung, Nguyễn Thị Thọ	Giáo dục Việt Nam	Kết nối tri thức và cuộc sống
5	Khoa học tự nhiên 6	Vũ Văn Hùng (Tổng chủ biên), Đinh Đoàn Long, Lê Kim Long, Bùi Gia Thịnh (đồng Chủ biên), Nguyễn Hữu Chung, Nguyễn Thu Hà, Bùi Thị Việt Hà, Nguyễn Đức Hiệp, Trần Thị Thanh Huyền, Lê Trọng Huyền, Vũ Trọng Rỹ, Nguyễn Văn Vịnh	Giáo dục Việt Nam	Kết nối tri thức và cuộc sống
6	Lịch sử và Địa lí 6	Vũ Minh Giang (Tổng chủ biên), Nghiêm Đình Vỳ, Đào Ngọc Hùng (đồng Tổng Chủ biên), Đinh Ngọc Bảo, Đào Ngọc Hùng (đồng Chủ biên), Vũ Thị Hằng, Phan Ngọc Huyền, Phạm Thị Thanh Huyền, Lê Huỳnh, Trần Thị Hồng Mai, Hoàng Anh Tuấn, Phí Công Việt	Giáo dục Việt Nam	Kết nối tri thức và cuộc sống
7	Tin học 6	Nguyễn Chí Công, Hà Đặng Cao Tùng, Đinh Thị Hạnh Mai, Hoàng Thị Mai	Giáo dục Việt Nam	Kết nối tri thức và cuộc sống
8	Công nghệ 6	Lê Huy Hoàng (Tổng chủ biên kiêm Chủ biên), Trương Thị Hồng Huệ, Lê Xuân Quang, Vũ Thị Ngọc Thúy, Nguyễn Thanh Trinh, Vũ Cẩm Tú	Giáo dục Việt Nam	Kết nối tri thức và cuộc sống
9	Âm nhạc 6	Hoàng Long, Đỗ Thị Minh Chính (đồng Tổng chủ biên), Vũ Mai Lan	Giáo dục Việt	Kết nối tri thức và

		(Chủ biên), Bùi Minh Hoa, Trần Bảo Lâm, Trịnh Thị Oanh, Cao Sỹ Anh Tùng, Nguyễn Thị Thanh Vân	Nam	cuộc sống
10	Mĩ thuật 6	Đoàn Thị Mỹ Hương, Đinh Gia Lê (đồng Tổng chủ biên), Phạm Thị Chinh, Phạm Minh Phong (đồng Chủ biên), Phạm Duy Anh, Vũ Thị Thanh Hương, Nguyễn Thị May, Đoàn Dũng Sĩ	Giáo dục Việt Nam	Kết nối tri thức và cuộc sống
11	Giáo dục thể chất 6	Hồ Đắc Sơn, Nguyễn Duy Quyết (đồng Tổng Chủ biên), Nguyễn Việt Hoàn, Nguyễn Mạnh Toàn (đồng Chủ biên), Vũ Tuấn Anh, Nguyễn Hữu Bính, Nguyễn Xuân Đoàn, Lê Trường Sơn Chấn Hải, Đỗ Mạnh Hưng, Lê Chí Nhân, Phạm Hoài Quyên, Phạm Mai Vương	Giáo dục Việt Nam	Kết nối tri thức và cuộc sống
12	Hoạt động trải nghiệm, Hướng nghiệp 6	Lưu Thu Thủy, Bùi Sỹ Tụng (đồng Tổng Chủ biên), Hoàng Thị Hạnh, Nguyễn Thị Việt Nga, Trần Thị Thu (đồng Chủ biên), Vũ Thị Lan Anh, Nguyễn Thanh Bình, Lê Văn cầu, Dương Thị Thu Hà, Tạ Văn Hai, Nguyễn Thu Hương, Lê Thị Luận, Nguyễn Thị Thanh Mai, Nguyễn Hồng Thuận, Lê Thị Thanh Thủy	Giáo dục Việt Nam	Kết nối tri thức và cuộc sống

2. Lớp 7:

TT	Tên sách	Tác giả	Nhà xuất bản	Bộ sách
1	Ngữ văn 7, tập một	Bùi Mạnh Hùng (Tổng Chủ biên), Phan Huy Dũng, Nguyễn Thị Ngân Hoa (đồng Chủ biên), Nguyễn Thị Mai Liên, Lê Trà My, Lê Thị Minh Nguyệt, Nguyễn Thị Nương, Nguyễn Thị Hải Phương.	Giáo dục Việt Nam	Kết nối tri thức và cuộc sống
	Ngữ văn 7, tập hai	Bùi Mạnh Hùng (Tổng Chủ biên), Phan Huy Dũng, Nguyễn Thị Ngân Hoa (đồng Chủ biên), Dương Tuấn Anh, Nguyễn Linh Chi, Đặng Lưu.	Giáo dục Việt Nam	Kết nối tri thức và cuộc sống
2	Toán 7, tập một	Hà Huy Khoái (Tổng Chủ biên), Nguyễn Huy Đoan (Chủ biên), Cung Thế Anh, Nguyễn Cao Cường, Trần Mạnh Cường, Doãn Minh Cường, Trần Phương Dung, Sĩ Đức Quang, Lưu Bá Thắng, Đặng Hùng Thắng.	Giáo dục Việt Nam	Kết nối tri thức và cuộc sống
	Toán 7, tập hai	Hà Huy Khoái (Tổng Chủ biên), Nguyễn Huy Đoan (Chủ biên), Cung Thế Anh, Nguyễn Cao Cường, Trần Mạnh Cường, Doãn Minh Cường, Trần Phương Dung, Sĩ Đức Quang, Lưu Bá Thắng, Đặng Hùng Thắng.	Giáo dục Việt Nam	Kết nối tri thức và cuộc sống
3	Tiếng Anh 7	Trần Thị Lan Anh (Chủ biên), Nguyễn Thu Hiền.	Đại học Sư phạm	English Discovery
4	Khoa học tự nhiên 7	Vũ Văn Hùng (Tổng Chủ biên), Mai Văn Hưng, Lê Kim Long, Bùi Gia Thịnh (đồng Chủ biên), Nguyễn Thị Thanh Chi, Ngô Tuấn Cường, Trần Thị Thanh Huyền, Nguyễn Thị Bích Ngọc, Phạm Thị Phú, Vũ Trọng Rỹ, Mai Thị Tình, Vũ Thị Minh Tuyền.	Giáo dục Việt Nam	Kết nối tri thức và cuộc sống
5	Lịch sử và Địa lí 7	Vũ Minh Giang (Tổng Chủ biên xuyên suốt phần Lịch sử), Nghiêm Đình Vỳ (Tổng Chủ biên cấp THCS phần Lịch sử), Nguyễn Thị Côi, Vũ Văn Quân (đồng Chủ biên phần Lịch sử), Phạm Đức Anh, Phạm Thị Thanh Huyền, Đặng Hồng Sơn; Đào Ngọc Hùng (Tổng Chủ biên phần Địa lí), Nguyễn	Giáo dục Việt Nam	Kết nối tri thức và cuộc sống

		Đình Giang, Phạm Thị Thu Phương (đồng Chủ biên phần Địa lí), Nguyễn Thị Thu Hiền, Đặng Thị Huệ, Phí Công Việt.		
6	Giáo dục công dân 7	Nguyễn Thị Toan (Tổng Chủ biên), Trần Thị Mai Phương (Chủ biên), Nguyễn Hà An, Nguyễn Thị Hoàng Anh, Phạm Thị Kim Dung, Nguyễn Thị Thọ.	Giáo dục Việt Nam	Kết nối tri thức và cuộc sống
7	Âm nhạc 7	Hoàng Long, Đỗ Thị Minh Chính (đồng Tổng Chủ biên), Vũ Mai Lan (Chủ biên), Bùi Minh Hoa, Lê Thị Tuyết, Nguyễn Thị Thanh Vân.	Giáo dục Việt Nam	Kết nối tri thức và cuộc sống
8	Mĩ Thuật 7	Nguyễn Xuân Nghi (Tổng Chủ biên), Đoàn Thị Mỹ Hương (Chủ biên), Phạm Duy Anh, Vũ Thị Thanh Hương.	Giáo dục Việt Nam	Kết nối tri thức và cuộc sống
9	Tin học 7	Nguyễn Chí Công (Tổng Chủ biên), Hà Đặng Cao Tùng (Chủ biên), Phan Anh, Bùi Việt Hà, Đinh Thị Hạnh Mai, Hoàng Thị Mai.	Giáo dục Việt Nam	Kết nối tri thức và cuộc sống
10	Công nghệ 7	Lê Huy Hoàng (Tổng Chủ biên), Đồng Huy Giới (Chủ biên), Cao Bá Cường, Bùi Hữu Đoàn, Bùi Thị Thu Hương, Kim Văn Vạn.	Giáo dục Việt Nam	Kết nối tri thức và cuộc sống
11	Giáo dục thể chất 7	Nguyễn Duy Quyết (Tổng Chủ biên), Hồ Đắc Sơn (Chủ biên), Vũ Tuấn Anh, Nguyễn Xuân Đoàn, Nguyễn Thị Hà, Lê Trường Sơn Chân Hải, Ngô Việt Hoàn, Trần Mạnh Hùng.	Giáo dục Việt Nam	Kết nối tri thức và cuộc sống
12	Hoạt động Trải nghiệm, hướng nghiệp 7	Lưu Thu Thủy (Tổng Chủ biên), Trần Thị Thu (Chủ biên), Nguyễn Thanh Bình, Dương Thị Thu Hà, Nguyễn Thu Hương, Nguyễn Thị Việt Nga, Lê Thị Thanh Thủy.	Giáo dục Việt Nam	Kết nối tri thức và cuộc sống

3. Lớp 8:

TT	Tên sách	Tên tác giả	Nhà xuất bản	Bộ sách
1	Toán 8, tập một	Hà Huy Khoái (Tổng Chủ biên), Cung Thế Anh, Nguyễn Huy Đoan (đồng Chủ biên), Nguyễn Cao Cường, Trần Mạnh Cường, Doãn Minh Cường, Trần	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Kết nối tri thức với cuộc sống

		Phương Dung, Sĩ Đức Quang, Lưu Bá Thắng, Đặng Hùng Thắng.		
	Toán 8, tập hai	Hà Huy Khoái (Tổng Chủ biên), Cung Thế Anh, Nguyễn Huy Đoan (đồng Chủ biên), Nguyễn Cao Cường, Trần Mạnh Cường, Doãn Minh Cường, Trần Phương Dung, Sĩ Đức Quang, Lưu Bá Thắng, Đặng Hùng Thắng.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Kết nối tri thức với cuộc sống
2	Khoa học tự nhiên 8	Vũ Văn Hùng (Tổng Chủ biên), Mai Văn Hưng, Lê Kim Long, Vũ Trọng Rỹ (đồng Chủ biên), Nguyễn Văn Biên, Nguyễn Hữu Chung, Nguyễn Thu Hà, Lê Trọng Huyền, Nguyễn Thế Hưng, Nguyễn Xuân Thành, Bùi Gia Thịnh, Nguyễn Thị Thuần, Mai Thị Tình, Vũ Thị Minh Tuyền, Nguyễn Văn Vịnh.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Kết nối tri thức với cuộc sống
3	Tin học 8	Nguyễn Chí Công (Tổng Chủ biên), Hà Đăng Cao Tùng (Chủ biên), Phan Anh, Nguyễn Hải Châu, Hoàng Thị Mai, Nguyễn Thị Hoài Nam.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Kết nối tri thức với cuộc sống
4	Công nghệ 8	Lê Huy Hoàng (Tổng Chủ biên), Đặng Văn Nghĩa (Chủ biên), Đặng Thị Thu Hà, Nguyễn Hồng Sơn, Phạm Văn Sơn, Nguyễn Thanh Trinh, Vũ Thị Ngọc Thúy.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Kết nối tri thức với cuộc sống
5	Ngữ văn 8, tập một	Bùi Mạnh Hùng (Tổng Chủ biên), Nguyễn Thị Ngân Hoa, Đặng Lưu (đồng Chủ biên), Dương Tuấn Anh, Lê Trà My, Nguyễn Thị Nương, Nguyễn Thị Hải Phương.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Kết nối tri thức với cuộc sống
	Ngữ văn 8, tập hai	Bùi Mạnh Hùng (Tổng Chủ biên), Nguyễn Thị Ngân Hoa, Đặng Lưu (đồng Chủ biên), Phan Huy Dũng, Nguyễn Thị Mai Liên, Lê Thị Minh Nguyệt, Nguyễn Thị Minh Thương.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Kết nối tri thức với cuộc sống
6	Tiếng Anh 8 English Discovery	Trần Thị Lan Anh (Chủ biên), Nguyễn Thu Hiền.	Nhà xuất bản Đại học Sư phạm	Tiếng Anh 8 English Discovery
7	Lịch sử và Địa lí 8	Vũ Minh Giang (Tổng Chủ biên xuyên suốt phần Lịch sử), Nghiêm Đình Vỹ (Tổng Chủ biên cấp THCS phần Lịch sử), Trịnh Đình Tùng (Chủ biên phần	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Kết nối tri thức với cuộc sống

		Lịch sử), Nguyễn Ngọc Cơ, Đào Tuấn Thành, Hoàng Thanh Tú; Đào Ngọc Hùng (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên phần Địa lí), Bùi Thị Thanh Dung, Phạm Thị Thu Phương, Phí Công Việt.		
8	Giáo dục công dân 8	Nguyễn Thị Toan (Tổng Chủ biên), Trần Thị Mai Phương (Chủ biên), Nguyễn Hà An, Nguyễn Thị Hoàng Anh, Nguyễn Thị Thọ.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Kết nối tri thức với cuộc sống
9	Âm nhạc 8	Hoàng Long (Tổng Chủ biên), Vũ Mai Lan (Chủ biên), Bùi Minh Hoa, Trần Bảo Lân, Đặng Khánh Nhật, Nguyễn Thị Thanh Vân.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Kết nối tri thức với cuộc sống
10	Mĩ thuật 8	Đinh Gia Lê (Tổng Chủ biên), Đoàn Thị Mỹ Hương (Chủ biên), Phạm Duy Anh, Trương Triều Dương.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Kết nối tri thức với cuộc sống
11	Giáo dục thể chất 8	Nguyễn Duy Quyết (Tổng Chủ biên), Hồ Đắc Sơn (Chủ biên), Vũ Tuấn Anh, Nguyễn Xuân Đoàn, Nguyễn Thị Hà, Lê Trường Sơn Chấn Hải, Trần Mạnh Hùng; Nguyễn Thành Trung.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Kết nối tri thức với cuộc sống
12	Hoạt động Trải nghiệm, hướng nghiệp 8	Lưu Thu Thủy (Tổng Chủ biên), Trần Thị Thu (Chủ biên), Nguyễn Thanh Bình, Nguyễn Thu Hương, Nguyễn Thị Việt Nga, Lê Thị Thanh Thủy.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Kết nối tri thức với cuộc sống

4. Lớp 9:

TT	Tên sách	Tên tác giả	Nhà xuất bản	Bộ sách
1	Toán 9, tập một	Hà Huy Khoái (Tổng Chủ biên), Cung Thế Anh, Nguyễn Huy Đoan (đồng Chủ biên), Nguyễn Cao Cường, Trần Mạnh Cường, Doãn Minh Cường, Trần Phương Dung, Sĩ Đức Quang, Lưu Bá Thắng, Đặng Hùng Thắng.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Kết nối tri thức với cuộc sống
	Toán 9, tập hai	Hà Huy Khoái (Tổng Chủ biên), Cung Thế Anh, Nguyễn Huy Đoan (đồng Chủ biên), Nguyễn Cao Cường, Trần Mạnh Cường, Doãn Minh Cường, Trần Phương Dung, Sĩ Đức Quang, Lưu Bá Thắng, Đặng Hùng Thắng.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Kết nối tri thức với cuộc sống

2	Khoa học tự nhiên 9	Vũ Văn Hùng (Tổng Chủ biên), Mai Văn Hưng, Lê Kim Long, Vũ Trọng Rỹ (đồng Chủ biên), Nguyễn Văn Biên, Nguyễn Hữu Chung, Nguyễn Thu Hà, Lê Trọng Huyền, Nguyễn Thế Hưng, Nguyễn Xuân Thành, Bùi Gia Thịnh, Nguyễn Thị Thuần, Mai Thị Tình, Vũ Thị Minh Tuyền, Nguyễn Văn Vình.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Kết nối tri thức với cuộc sống
3	Tin học 9	Nguyễn Chí Công (Tổng Chủ biên), Hà Đăng Cao Tùng (Chủ biên), Phan Anh, Nguyễn Hải Châu, Hoàng Thị Mai, Nguyễn Thị Hoài Nam.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Kết nối tri thức với cuộc sống
4	Công nghệ 9	Lê Huy Hoàng (Tổng Chủ biên), Đặng Văn Nghĩa (Chủ biên), Đặng Thị Thu Hà, Nguyễn Hồng Sơn, Phạm Văn Sơn, Nguyễn Thanh Trinh, Vũ Thị Ngọc Thúy.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Kết nối tri thức với cuộc sống
5	Ngữ văn 9, tập một	Bùi Mạnh Hùng (Tổng Chủ biên), Nguyễn Thị Ngân Hoa, Đặng Lưu (đồng Chủ biên), Dương Tuấn Anh, Lê Trà My, Nguyễn Thị Nương, Nguyễn Thị Hải Phương.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Kết nối tri thức với cuộc sống
	Ngữ văn 9, tập hai	Bùi Mạnh Hùng (Tổng Chủ biên), Nguyễn Thị Ngân Hoa, Đặng Lưu (đồng Chủ biên), Phan Huy Dũng, Nguyễn Thị Mai Liên, Lê Thị Minh Nguyệt, Nguyễn Thị Minh Thương.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Kết nối tri thức với cuộc sống
6	Tiếng Anh 9	Trần Thị Lan Anh (Chủ biên), Nguyễn Thu Hiền.	Nhà xuất bản Đại học Sư phạm	Tiếng Anh 9 English Discovery
7	Lịch sử và Địa lí 9	Vũ Minh Giang (Tổng Chủ biên xuyên suốt phần Lịch sử), Nghiêm Đình Vỹ (Tổng Chủ biên cấp THCS phần Lịch sử), Trịnh Đình Tùng (Chủ biên phần Lịch sử), Nguyễn Ngọc Cơ, Đào Tuấn Thành, Hoàng Thanh Tú; Đào Ngọc Hùng (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên phần Địa lí), Bùi Thị Thanh Dung, Phạm Thị Thu Phương, Phí Công Việt.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Kết nối tri thức với cuộc sống
8	Giáo dục công dân 9	Nguyễn Thị Toan (Tổng Chủ biên), Trần Thị Mai Phương (Chủ biên), Nguyễn Hà An, Nguyễn Thị Hoàng	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Kết nối tri thức với cuộc sống

		Anh, Nguyễn Thị Thọ.	Nam	
9	Âm nhạc 9	Hoàng Long (Tổng Chủ biên), Vũ Mai Lan (Chủ biên), Bùi Minh Hoa, Trần Bảo Lâm, Đặng Khánh Nhật, Nguyễn Thị Thanh Vân.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Kết nối tri thức với cuộc sống
10	Mĩ thuật 9	Đinh Gia Lê (Tổng Chủ biên), Đoàn Thị Mỹ Hương (Chủ biên), Phạm Duy Anh, Trương Triều Dương.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Kết nối tri thức với cuộc sống
11	Giáo dục thể chất 9	Nguyễn Duy Quyết (Tổng Chủ biên), Hồ Đắc Sơn (Chủ biên), Vũ Tuấn Anh, Nguyễn Xuân Đoàn, Nguyễn Thị Hà, Lê Trường Sơn Chấn Hải, Trần Mạnh Hùng; Nguyễn Thành Trung.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Kết nối tri thức với cuộc sống
12	Hoạt động Trải nghiệm, hướng nghiệp 9	Lưu Thu Thủy (Tổng Chủ biên), Trần Thị Thu (Chủ biên), Nguyễn Thanh Bình, Nguyễn Thu Hương, Nguyễn Thị Việt Nga, Lê Thị Thanh Thủy.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Kết nối tri thức với cuộc sống

IV. KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC⁴

1. Kết quả tự đánh giá chất lượng giáo dục của nhà trường; kế hoạch cải tiến chất lượng sau tự đánh giá.

*** Đánh giá Tiêu chí Mức 1, 2 và 3**

Tiêu chuẩn, Tiêu chí	Kết quả			
	Không đạt	Đạt		
		Mức 1	Mức 2	Mức 3
<i>Tiêu chuẩn 1</i>				
Tiêu chí 1.1			X	
Tiêu chí 1.2			X	
Tiêu chí 1.3			X	
Tiêu chí 1.4			X	
Tiêu chí 1.5			X	
Tiêu chí 1.6			X	
Tiêu chí 1.7			X	
Tiêu chí 1.8			X	
Tiêu chí 1.9			X	
Tiêu chí 1.10			X	

⁴ Bao gồm các thông tin của năm báo cáo được quy định tại khoản 3 Điều 6, **khoản 3 Điều 8**, khoản 3 Điều 10 của Thông tư này, đối sánh số liệu với năm trước liền kề.

Tiêu chuẩn, Tiêu chí	Kết quả			
	Không đạt	Đạt		
		Mức 1	Mức 2	Mức 3
<i>Tiêu chuẩn 2</i>				
Tiêu chí 2.1			X	
Tiêu chí 2.2			X	
Tiêu chí 2.3			X	
Tiêu chí 2.4			X	
<i>Tiêu chuẩn 3</i>				
Tiêu chí 3.1			X	
Tiêu chí 3.2			X	
Tiêu chí 3.3			X	
Tiêu chí 3.4			X	
Tiêu chí 3.5			X	
Tiêu chí 3.6			X	
<i>Tiêu chuẩn 4</i>				
Tiêu chí 4.1			X	
Tiêu chí 4.2			X	
<i>Tiêu chuẩn 5</i>				
Tiêu chí 5.1			X	
Tiêu chí 5.2			X	
Tiêu chí 5.3			X	
Tiêu chí 5.4			X	
Tiêu chí 5.5			X	
Tiêu chí 5.6			X	

Kết quả: Đạt Mức 2

*** Đánh giá Tiêu chí Mức 4**

Tiêu chí	Kết quả tự đánh giá		Ghi chú
	Đạt	Không đạt	
Tiêu chí 1		X	
Tiêu chí 2		X	
Tiêu chí 3		X	
Tiêu chí 4		X	
Tiêu chí 5		X	
Tiêu chí 6		X	

Kết quả: Không đạt Mức 4.

*** Kết luận:** nhà trường đạt Mức 2.

2. Kế hoạch cải tiến

2.1. Năm học 2025-2026

Thực hiện phát triển chiến lược nhà trường giai đoạn 2020-2025 và định

huớng đến 2030, các kế hoạch chiến lược hằg năm, kế hoạch trung hạn, kế hoạch dài hạn. Đảm bảo tốt việc quản lý hành chính, học chính và tài chính; Tích cực đổi mới công tác dạy học, tổ chức các hoạt động giáo dục nâng cao năng lực cá nhân từng học sinh. Đổi mới công tác bồi dưỡng giáo viên, chú trọng việc tự học, tự bồi dưỡng của giáo viên và bồi dưỡng nâng cao năng lực và dạy và học Tiếng Anh;

Tham mưu, đề xuất với các cấp, các ngành đầu tư thêm cơ sở vật chất cho nhà trường đáp ứng yêu cầu duy trì và nâng cao trường chuẩn Quốc gia và để đảm bảo đáp ứng dạy và học cũng như tổ chức các hoạt động giáo dục khác; xây dựng thêm phòng học bộ môn đáp ứng nhu cầu và các điều kiện cho dạy và học, từng bước đầu tư trang thiết bị dạy học để đáp ứng yêu cầu đổi mới;

Quản lý tốt các hoạt động giáo dục, nâng cao chất lượng 2 mặt giáo dục của học sinh. Thực hiện hiệu quả đổi mới chương trình giáo dục phổ thông 2018.

2.2. Nội dung thực hiện những năm tiếp theo.

Tiếp tục quan tâm bồi dưỡng đội ngũ, phát huy vai trò nòng cốt để nhân rộng tấm gương điển hình nhằm phát huy năng lực của người dạy. Tạo điều kiện để giáo viên tham gia các lớp bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ, nâng chuẩn, bồi dưỡng ngoại ngữ, tin học.

Đảm bảo tốt các chế độ chính sách cho đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên và các chế độ chính sách cho học sinh.

Tiếp tục tham mưu, đề xuất với các cấp, các ngành sớm hoàn thiện thêm cơ sở vật chất cho nhà trường.

Phát huy tối đa sự tham gia của cộng đồng và cha mẹ học sinh vào tất cả các hoạt động của nhà trường để nâng cao chất lượng. Quản lý tốt các hoạt động giáo dục, nâng cao chất lượng 2 mặt giáo dục của học sinh. Tiếp tục triển khai và thực hiện hiệu quả việc rút kinh nghiệm đổi mới chương trình giáo dục phổ thông 2018 kế thừa những kết quả tốt, rút kinh nghiệm các hạn chế

V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC⁵

1. Thông tin về kế hoạch hoạt động giáo dục của năm học 2024-2025

a) Kế hoạch tuyển sinh lớp 6 năm học 2024-2025 của nhà trường

*** Phương thức tuyển sinh**

Tuyển sinh theo phương thức xét tuyển.

Không tổ chức kiểm tra, khảo sát để xếp lớp cho khối 6 đầu năm học.

*** Địa bàn tuyển sinh**

- Tuyển 100% HS trong độ tuổi quy định, đã hoàn thành chương trình Tiểu học thường trú trên địa bàn xã Nà Khoa.

- Học sinh là con của cán bộ, viên chức đang công tác trên địa bàn xã Nà Khoa.

Đối với HS ở các địa bàn khác: Hiệu trưởng giữa các trường thỏa thuận danh sách tiếp nhận HS trước khi tuyển sinh.

⁵ Bao gồm các thông tin của năm báo cáo được quy định tại khoản 2, 3 Điều 7, **khoản 2, 3 Điều 9**, khoản 2, 3 Điều 11 của Thông tư này, đối sánh số liệu với năm trước liền kề.

*** Chỉ tiêu tuyển sinh**

Năm học 2024-2025, chỉ tiêu tuyển sinh khối 6 của trường: 84 học sinh/02 lớp. Bình quân 42 HS/lớp.

*** Kế hoạch làm việc**

Từ ngày 20/6 đến ngày 30/6/2024: Phối hợp với các đơn vị trên địa bàn và tham mưu UBND xã tổ chức rà soát, thống kê, lập danh sách HS trong độ tuổi, xây dựng kế hoạch tuyển sinh, tổ chức thực hiện nghiêm túc.

Ngày 14/07/2024: Hiệu trưởng xây dựng kế hoạch tuyển sinh.

Ngày 17/07/2024 công khai kế hoạch tuyển sinh lớp 6 trên các phương tiện thông tin đại chúng.

Ngày 18/7/2024 nhận hồ sơ học sinh, hồ sơ gồm:

- + Đơn xin dự tuyển vào THCS (mẫu đơn do nhà trường quy định);
- + Bản sao giấy khai sinh hợp lệ;
- + Học bạ cấp tiểu học hoặc các hồ sơ khác có giá trị thay thế học bạ;
- + Quyết định cho phép học vượt lớp, vượt cấp (nếu có).
- + Hồ sơ HS khuyết tật học hòa nhập (nếu có).

Ngày 04/8/2024 công bố kết quả tuyển sinh và nộp hồ sơ về Phòng Giáo dục và Đào tạo. Hồ sơ gồm:

- + Quyết định thành lập Hội đồng tuyển sinh.
- + Biên bản tuyển sinh.
- + Tờ trình công nhận học sinh được tuyển sinh.
- + Danh sách tuyển sinh trình Phòng Giáo dục và Đào tạo duyệt (02 danh sách).

b) Kế hoạch giáo dục của nhà trường

Năm học 2024-2025 nhà trường thực hiện kế hoạch số 73/KH-GDNTTrNN, ngày 12 tháng 09 năm 2024 về kế hoạch giáo dục năm học.

c) Quy chế phối hợp giữa nhà trường với gia đình và xã hội trong việc chăm sóc, giáo dục học sinh.

*** Địa phương**

Nhà trường đã làm tốt công tác tăng cường các biện pháp phối hợp với chính quyền, đoàn thể tại địa phương và gia đình học sinh.

Phối hợp chặt chẽ với Công an xã và Đoàn Biên phòng Nậm Nhừ trong công tác bảo đảm ANTT, phòng chống tội phạm, tệ nạn xã hội: Nhà trường cần chủ động phối hợp với công an xã và Đoàn Biên phòng xây dựng kế hoạch, nắm bắt thông tin, xử lý tình huống ANTT liên quan, kiến nghị với chính quyền địa phương giải quyết các vấn đề phức tạp về ANTT khu vực xung quanh trường học.

Phối hợp, phát huy vai trò của các bộ phận đoàn thể trong nhà trường. Căn cứ chức năng nhiệm vụ của mỗi đoàn thể, nhà trường chủ động phối hợp, tạo điều kiện (cả về vật chất, cơ chế, ...) để bộ phận đoàn thể thực hiện tốt công tác vận động, tuyên truyền, giáo dục.

*** Công đoàn**

Ký kết cộng đồng trách nhiệm với nhà trường, tích cực hỗ trợ nhà trường các hoạt động giáo dục, phong trào thi đua “Hai tốt”, hỗ trợ các phong trào thi GVG, HSG các cấp và các phong trào, Hội thi khác do khối; ngành tổ chức đặc

biệt là Hội thi tiếng hát sư phạm, báo ảnh,...

Động viên viên chức nhà trường thực hiện tốt nhiệm vụ và hoàn thành tốt công tác được giao, trong đó chú trọng chất lượng, hiệu quả công việc và thời gian hoàn thành công việc, tổ chức được phong trào thi đua từng học kỳ, năm học.

Thực hiện tốt Quy chế dân chủ cơ sở, kịp thời nắm bắt và giải quyết những khó khăn, vướng mắc trong đội ngũ, tạo lòng tin, kích thích đội ngũ mạnh dạn đóng góp hình thành nhận thức mới, từ đó có tinh thần trách nhiệm đối với nhiệm vụ được giao, chấp hành tốt chủ trương, chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước, nội qui cơ quan, quy chế chuyên môn, góp phần thực hiện thắng lợi nhiệm vụ của đơn vị, của ngành.

** Liên đội - Tổng phụ trách*

Tổ chức tốt Đại hội Liên đội trong học sinh. Xây dựng kế hoạch hoạt động của Đội, tổng phụ trách theo từng chủ điểm, kế hoạch tháng của nhà trường và Hội đồng đội huyện, đặc biệt chú ý công tác bồi dưỡng giáo viên - học sinh cho các cuộc thi phong trào đạt hiệu quả cao (vẽ, xé dán tranh, ước mơ ngày mai,... đặc biệt vận động học sinh tích cực hưởng ứng tham gia hội thi sáng tạo KHKT).

Tổ chức tốt các hoạt động Đội: phong trào thi đua Hai tốt, chương trình phát thanh măng non, các phong trào vui chơi giải trí trong giáo viên, học sinh; kỷ niệm ngày 26/3.

Cùng nhà trường tham gia tốt phong trào xây dựng Trường học thân thiện học sinh tích cực, trồng tu bổ, chăm sóc hoa kiểng sân trường; phát động phong trào thi đua ở các khối lớp có sơ tổng kết, phát thưởng tuần, tháng, Hội thi ngoại khoá mang tính giáo dục truyền thống, rèn luyện đạo đức, hạnh kiểm học sinh.

** Y tế học đường*

Phối hợp với nhân viên Trạm y tế xã thực hiện kiểm tra khám sức khỏe định kỳ cho học sinh toàn trường, triển khai các phương án phòng chống dịch tại địa phương, ...

Ghi chép hồ sơ, sổ sách đầy đủ. Thực hiện phân loại bệnh sau khi khám chữa bệnh cho học sinh. Thường xuyên cung cấp, kiểm tra nước uống của học sinh.

Lãnh đạo nhà trường phối hợp với công đoàn, nhân viên y tế kiểm tra an toàn vệ sinh thực phẩm căn-tin hàng tuần.

Tiếp tục triển khai, thực hiện nghiêm túc và có hiệu quả quy định về trường học an toàn, phòng chống tai nạn thương tích trong các trường học đã được Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định tại Quyết định số 4458/QĐ-BGD-ĐT, ngày 22/8/2007.

Tiếp tục tổ chức thực hiện tốt công tác Bảo hiểm bắt buộc đối với học sinh góp phần nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác chăm sóc sức khoẻ ban đầu trong trường học. Phấn đấu đạt tỷ lệ 100% học sinh tham gia BHYT. Sử dụng có hiệu quả tỉ lệ % nguồn thu phí Bảo hiểm y tế để lại trường quản lý và sử dụng.

** Ban đại diện cha mẹ học sinh*

Thực hiện theo tinh thần Thông tư 55/2011/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 11 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT về việc ban hành Điều lệ Ban đại diện Cha mẹ học sinh.

Thông tư 16/2018/TT-BGDĐT ngày 03 tháng 8 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT về việc quy định về tài trợ cho các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân.

Trường thực hiện tốt công tác tham mưu, vận động các mạnh thường quân, nhà hảo tâm hỗ trợ cho học sinh nghèo vượt khó, con em gia đình chính sách.

Có kế hoạch phối hợp chặt chẽ với chi hội CMHS, Ban đại diện CMHS nhằm thông báo việc học tập của học sinh ở trường đồng thời phối hợp quản lý tốt giờ giấc sinh hoạt, học tập con em ở gia đình, trao đổi các biện pháp giáo dục, rèn luyện đạo đức, hạnh kiểm học sinh, hỗ trợ công tác duy trì sĩ số học sinh, nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện học sinh.

Tổ chức Đêm hội Trăng rằm cho trẻ em, học sinh.

Tổ chức hoạt động giáo dục trải nghiệm toàn trường nhân dịp ngày thành lập Đoàn 26/3.

Tổ chức Hội khỏe Phù Đổng cấp trường.

2. Thông tin về kết quả giáo dục thực tế của năm học 2024-2025

a) Năm học 2024-2025, trường PTDTBT THCS Nà Khoa có tổng cộng 08 lớp với 278 học sinh

Số HS bỏ học: 02/278, tỷ lệ 0.7%.

Duy trì sĩ số: 278/280, tỷ lệ 99,3%.

b) Thống kê kết quả học lực, hạnh kiểm (học tập, rèn luyện) của học sinh theo từng khối lớp.

*** Chất lượng giáo dục năm học 2024-2025:**

Năm học vừa qua nhà trường có tổng số lớp là: 08 lớp = 278 học sinh, kết quả duy trì đạt 278/278 học sinh 100%.

+ Hạnh kiểm:

- Học sinh xếp loại đạo đức tốt: 147/278 chiếm 52,9 %
- Học sinh xếp loại đạo đức khá: 94/278 chiếm 33,8%
- Học sinh xếp loại đạo đức trung bình: 36/278 chiếm 12,9 %
- Học sinh xếp loại đạo đức yếu: 1/278 chiếm 0,4%

+ Học lực:

- Học sinh xếp loại học lực giỏi: 13/278 đạt 4,7 %
- Học sinh xếp loại học lực khá: 85/278 chiếm 30,6 %
- Học sinh xếp loại học lực trung bình: 169/278 chiếm 60,8%
- Học sinh xếp loại học lực yếu: 10/278 chiếm 3,6 %
- Tỷ lệ chuyển lớp thẳng đạt 96,4 %
- Tỷ lệ TNTHCS đạt 100%

Đánh giá chung:

Đa số học sinh đảm bảo khá tốt nền nếp học tập, nền nếp sinh hoạt ở nhà trường, chấp hành nội quy. Nhiệt tình tham gia các phong trào do ngành, trường tổ chức; có nhiều cố gắng trong rèn luyện đạo đức, tác phong, chăm ngoan vượt khó trong học tập.

Học tập: Tỷ lệ học sinh Khá, Giỏi tăng 3,98 % so với năm học 2023-2024;

c) Công tác tuyển sinh lớp 10 THPT năm học 2025-2026

Kết quả thi tuyển sinh vào lớp 10 THPT năm học 2025-2026:

Số lượng HS tham gia dự thi là 46/59 HS khối 9 TN THCS, tỉ lệ 77,9% (không tham gia thi tuyển 13 HS, tỉ lệ 22,1%);

Vào PTDTNT THPT tỉnh 1/59, tỉ lệ là 1,7%.

Vào PTDTNT THPT Nhà Hý 6/59, tỉ lệ là 10,2%.

Vào THPT Nhà Hý 31/59, tỉ lệ là 52,5%.

Vào CDVHNT Tây Bắc 3/59, tỉ lệ là 5,1%.

Vào CDKT Điện Biên 4/59, tỉ lệ là 6,8%.

Kết quả công tác phân luồng HS sau Tốt nghiệp THCS

Nội dung	Số lượng	Tỉ lệ đạt so với HS TNTNCS
Tổng số học sinh TNTHCS 2024-2025	59	
Tham gia tuyển sinh lớp 10 THPT	46	77,9%
Trúng tuyển THPT	38	64,4%
Học nghề	7	11,9%
Hướng đi khác	16	23,7%

VI. KẾT QUẢ TÀI CHÍNH⁶

Hàng năm, nhà trường căn cứ vào ngân sách được giao, các nguồn thu tại trường để lập dự toán thu chi. Dự toán được xây dựng đúng quy trình. Nhà trường thực hiện thu chi, quyết toán và báo cáo tài chính theo chế độ kế toán, tài chính của Nhà nước: có dự toán, quyết toán tài chính, báo cáo tài chính theo từng năm học và thực hiện đầy đủ các quy định quản lý, lưu trữ hồ sơ chứng từ. Hệ thống sổ sách, chứng từ của trường đầy đủ và hợp lệ. Các khoản thu chi của nhà trường đều thực hiện theo các văn bản hướng dẫn của các cấp có thẩm quyền. Ngay đầu mỗi năm học, Hiệu trưởng căn cứ vào nhiệm vụ năm học để xây dựng kế hoạch kiểm tra nội bộ trường học và định kì tự kiểm tra công tác tài chính, tài sản theo đúng quy định, quy chế chi tiêu nội bộ.

- Quyết toán chi ngân sách năm 2025:

* Kinh phí chi thường xuyên 6 tháng đầu năm 2025

Số dư kinh phí năm trước chuyển sang: 9 đồng;

Dự toán được giao trong năm, năm 2025: 8.243.090.000 đồng, trong đó:

- Kinh phí thực nhận trong năm: 8.243.090.009 đồng

- Kinh phí quyết toán: 4.792.601.594 đồng;

- Kinh phí giảm trong năm: 0 đồng

- Kinh phí dự toán thu hồi do bỏ huyện: 3.450.488.415 đồng

- Số dư kinh phí được phép chuyển sang năm sau sử dụng và quyết toán: 0 đồng, bao gồm:

+ Kinh phí đã nhận: 0 đồng;

+ Dự toán còn dư ở Kho bạc: 0 đồng

- Kinh nhận tài trợ, viện trợ xã hội hóa giáo dục năm học 2024 -2025: 0 đồng

⁶ Bao gồm các thông tin của năm báo cáo được quy định tại **khoản 1, 3, 4 Điều 5** của Thông tư này, đối sánh số liệu với năm trước liền kề.

- Kinh phí quyết toán nhận tài trợ, viện trợ xã hội hóa giáo dục năm học 2024-2025: 0 đồng;

- Kinh phí giảm trong năm: 0 đồng.

- Số dư kinh phí được phép chuyển sang năm sau sử dụng và quyết toán: 0 đồng.

*** Kinh phí chi không thường xuyên 6 tháng đầu năm 2025**

Số dư kinh phí năm trước chuyển sang: 292.500 đồng;

Dự toán được giao trong năm, năm 2025: 1.539.103.000 đồng, trong đó:

- Kinh phí được sử dụng trong năm: 1.539.395.500 đồng

- Kinh phí quyết toán: 1.532.413.500 đồng;

- Kinh phí giảm trong năm: 0 đồng

- Kinh phí bị thu hồi do bỏ huyện: 6.982.000 đồng

- Số dư kinh phí được phép chuyển sang năm sau sử dụng và quyết toán: 0 đồng, bao gồm:

+ Kinh phí đã nhận: 0 đồng;

+ Dự toán còn dư ở Kho bạc: 0 đồng

*** Kinh phí chi tiền thưởng năm 2025**

Số dư kinh phí năm trước chuyển sang: 0 đồng;

Dự toán được giao trong năm, năm 2025: 242.724.000 đồng, trong đó:

- Kinh phí được sử dụng trong năm: 0 đồng

- Kinh phí quyết toán: 0 đồng;

- Kinh phí giảm trong năm: 0 đồng

- Kinh phí bị thu hồi do bỏ huyện: 242.724.000 đồng

Các khoản chi chế độ học sinh năm học 2024 - 2025 như sau:

+ 5 tháng đầu năm 2025 (từ tháng 01-tháng 05 năm 2025)

Tiền hỗ trợ chi phí học tập 5 tháng năm 2025: Tổng số học sinh : 276 học sinh ; Tổng số số tiền: 205.950.000 đồng. Thực hiện chi trả tiền mặt cho phụ huynh học sinh.

Học sinh miễn và giảm 70% học phí 5 tháng đầu năm 2025 : Tổng số học sinh : 280 ; Tổng số tiền: 13.950.000 đồng

Tiền theo Nghị định 116/2016/NĐ-CP

*. Tiền ăn cho học sinh bán trú: Tổng số học sinh : 232 học sinh ; Tổng số số tiền: 501.715.500 đồng. Thực hiện chi trả tiền mặt cho phụ huynh học sinh.

*. Tiền hỗ trợ nhân viên nuôi dưỡng: Tổng số NVND : 5 Người ; Tổng số số tiền: 94.770.000 đồng. Thực hiện chi trả chuyển khoản cho từng nhân viên

Tiền theo Nghị định 57/2017/NĐ-CP: Dân tộc ít người Tổng số học sinh : 1 học sinh ; Tổng số số tiền: 7.020.000 đồng. Thực hiện chi trả tiền mặt cho phụ huynh học sinh

Tiền Thông tư liên tịch số 42/2013/TTLT: Học sinh khuyết tật Tổng số học sinh : 3 học sinh ; Tổng số số tiền: 29.580.000 đồng. Thực hiện chi trả tiền mặt cho phụ huynh học sinh

*** Kinh phí chi thường xuyên 6 tháng cuối năm 2025**

Số dư kinh phí năm trước chuyển sang: 0 đồng;

Dự toán được giao trong năm, năm 2025: 4.396.000.000 đồng, trong đó:

- Kinh phí thực nhận trong năm: 4.396.000.000 đồng
- Kinh phí quyết toán: 4.396.000.000 đồng;
- Kinh phí giảm trong năm: 0 đồng
- Kinh phí hủy dự toán: 0 đồng
- Số dư kinh phí được phép chuyển sang năm sau sử dụng và quyết toán: 0 đồng, bao gồm:
 - + Kinh phí đã nhận: 0 đồng;
 - + Dự toán còn dư ở Kho bạc: 0 đồng
 - Kinh nhận tài trợ, viện trợ xã hội hóa giáo dục năm học 2025 -2026: 0 đồng
 - Kinh phí quyết toán nhận tài trợ, viện trợ xã hội hóa giáo dục năm học 2025 -2026: 0 đồng;
 - Kinh phí giảm trong năm: 0 đồng.
 - Số dư kinh phí được phép chuyển sang năm sau sử dụng và quyết toán: 0 đồng.

*** Kinh phí chi không thường xuyên 6 tháng cuối năm 2025**

Số dư kinh phí năm trước chuyển sang: 0 đồng;

Dự toán được giao trong năm, năm 2025: 1.048.000.000 đồng, trong đó:

- Kinh phí được sử dụng trong năm: 1.048.000.000 đồng
- Kinh phí quyết toán: 1.023.880.025 đồng;
- Kinh phí giảm trong năm: 0 đồng
- Kinh phí hủy dự toán: 24.119.975 đồng
- Số dư kinh phí được phép chuyển sang năm sau sử dụng và quyết toán: 0 đồng, bao gồm:

+ Kinh phí đã nhận: 0 đồng;

+ Dự toán còn dư ở Kho bạc: 0 đồng

*** 4 tháng cuối năm 2025 (từ tháng 09-tháng 12 năm 2025)**

Tiền hỗ trợ chi phí học tập 5 tháng năm 2025: Tổng số học sinh : 299 học sinh ; Tổng số số tiền: 178.950.000 đồng. Thực hiện chi trả tiền mặt cho phụ huynh học sinh.

Học sinh miễn và giảm 70% học phí 5 tháng đầu năm 2025 : Tổng số học sinh : 303 ; Tổng số số tiền: 12.120.000 đồng

Tiền theo Nghị định 116/2016/NĐ-CP

*. Tiền ăn cho học sinh bán trú tháng 9+10 năm 2025: Tổng số học sinh : 246 học sinh ;

Tổng số số tiền: 459.576.000 đồng. Thực hiện chi trả tiền mặt cho phụ huynh học sinh.

*. Tiền ăn cho học sinh bán trú ½ tháng 11 năm 2025: Tổng số học sinh : 77 học sinh ;

Tổng số số tiền: 77.688.000 đồng. Thực hiện chi trả qua tài khoản cho phụ huynh học sinh

*. Tiền hỗ trợ nhân viên nuôi dưỡng: Tổng số NVND : 5 Người ; Tổng số số tiền: 113.724.000 đồng. Thực hiện chi trả chuyển khoản cho từng nhân viên

*. Tiền điện thấp sáng: 13.002.025 đ (theo hóa đơn)

*. Tiền chi trả giáo viên quản trú: 49.200.000 đ

*.Tiền tử thuốc:Tổng số học sinh : 246 học sinh ; Tổng số số tiền: 44.100.000 đồng

*.Tiền dụng cụ thể thao:Tổng số học sinh : 246 học sinh ; Tổng số số tiền: 44.100.000 đồng

Tiền theo Nghị định 57/2017/NĐ-CP: Dân tộc ít người Tổng số học sinh : 2 học sinh ; Tổng số số tiền: 15.444.000 đồng. Thực hiện chi trả tiền mặt cho phụ huynh học sinh

Tiền Thông tư liên tịch số 42/2013/TTLT: Học sinh khuyết tật Tổng số học sinh : 2 học sinh ; Tổng số số tiền: 15.976.000 đồng. Thực hiện chi trả tiền mặt cho phụ huynh học sinh

*** Kinh phí chi tiền thưởng theo nghị định 73**

Số dư kinh phí năm trước chuyển sang: 0 đồng;

Dự toán được giao trong năm, năm 2025: 243.000.000 đồng, trong đó:

- Kinh phí thực nhận trong năm: 243.000.000 đồng

- Kinh phí quyết toán: 243.000.000 đồng;

- Kinh phí giảm trong năm: 0 đồng

- Số dư kinh phí được phép chuyển sang năm sau sử dụng và quyết toán: 0 đồng, bao gồm:

+ Kinh phí đã nhận: 0 đồng;

+ Dự toán còn dư ở Kho bạc: 0 đồng

5. Các nội dung công khai tài chính khác thực hiện theo quy định của pháp luật về tài chính, ngân sách, kế toán, kiểm toán, dân chủ cơ sở:

Nhà trường thực hiện công khai các nguồn dự toán được cấp hàng năm, công khai theo từng quý trong năm, công khai các nguồn dự toán được cấp bổ sung, công khai quyết toán ngân sách hàng năm đầy đủ đúng quy định.

VII. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM KHÁC⁷

Các hoạt động chuyên môn luôn được quan tâm và thực hiện đồng bộ ở các tổ chuyên môn với kết quả như sau:

Các hoạt động dạy học được tập trung đánh giá vào: khả năng tiếp thu; mức độ tích cực, chủ động, hợp tác, sáng tạo; mức độ hoàn thành nhiệm vụ của học sinh trong quá trình học.

Tham dự đầy đủ các chuyên đề cấp trường, cấp cụm, cấp huyện. Tổ chức 02 chuyên đề cấp Huyện (Toán 7 và KHTN 8), 04 chuyên đề cấp trường ở các bộ môn: Tin học, KHTN, T.Anh, Lịch sử và địa lý với 100% số GV tham gia.

STT	Tổ CM	Tên chuyên đề	Cấp thực hiện
1	Chuyên đề tổ KHXH (tháng 10/2024)	Ứng dụng một số phần mềm vào giảng dạy đối với một số môn học trong trường PTDTBT TH – THCS Nậm Nhừ	Trường
2	Chuyên đề tổ KHTN (tháng 10/2024)	Công tác ôn thi tiếng anh vào 10	Trường

⁷ Kết quả thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm khác của cơ sở giáo dục và của ngành.

STT	Tổ CM	Tên chuyên đề	Cấp thực hiện
3	Chuyên đề tổ KHXX (tháng 3/2025)	Rèn kỹ năng vẽ biểu đồ hình tròn trong môn LSĐL lớp 9 theo CTPT 2018	Trường
4	Chuyên đề tổ KHTN (tháng 3/2025)	Hướng dẫn học sinh học tốt môn KHTN lớp 6 trên lớp và ở nhà	Trường

- Thực hiện thao giảng, dự giờ

Tổng số tiết thao giảng: 26 tiết/13 giáo viên.

Tổng số tiết dự giờ: 150 tiết.

Công tác quản lý tài chính, tài sản

Thường xuyên tiết kiệm chi tiêu, chống lãng phí; có kế hoạch mua sắm bổ sung trang thiết bị dạy học, sách tham khảo phục vụ cho dạy và học của GV và HS. Tu bổ thêm CSVC, cảnh quan trong nhà trường. Nhà trường đang gấp rút cải tạo, sửa chữa cơ sở vật chất, cảnh quan môi trường đáp ứng Tiêu chuẩn 4 theo TT 18/2018/TT-BGDĐT.

Chỉ đạo bộ phận tài chính trong nhà trường thu chi đúng quy định, đúng nguyên tắc tài chính, đúng luật ngân sách và theo quy chế chi tiêu nội bộ. Đảm bảo chi đúng, chi đủ trên tinh thần thực hành tiết kiệm. Hồ sơ chứng từ thu chi rõ ràng, rành mạch và được công khai trong hội đồng sư phạm.

Công tác quản trị, quản lý nhà trường

Chỉ đạo quản lý việc dạy và học trong nhà trường theo đúng các văn bản chỉ đạo của cấp trên, chỉ đạo giáo viên tích cực học tập, đổi mới phương pháp dạy học, ứng dụng CNTT trong dạy học và quản lý. Nghiên cứu kỹ các văn bản chỉ đạo, xây dựng kế hoạch cụ thể theo tuần, tháng, học kỳ, năm học sát thực khả thi. Tập trung vào những biện pháp phối hợp giáo dục để nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện, đặc biệt chú trọng giáo dục đạo đức, giáo dục pháp luật, kỹ năng sống cho HS, không để xảy ra bạo lực trong trường học. Tích cực phát hiện và bồi dưỡng HSG, phụ đạo HS yếu kém. Động viên cán bộ giáo viên tích cực tự học, đổi mới PPDH nâng cao chất lượng hiệu quả công tác được giao. Các phong trào của nhà trường được cán bộ giáo viên tích cực hưởng ứng mang lại hiệu quả cao.

Đội tuyển học sinh giỏi của nhà trường luôn được khẳng định vị trí trong huyện, có nhiều học sinh được bồi dưỡng thi tỉnh.

Công tác phát triển chuyên môn, nghiệp vụ

Tổ chức 100% giáo viên được tham gia tập huấn giảng dạy chương trình GDPT 2018 (tập huấn Phương pháp giảng dạy; tập huấn SGK; tập huấn xây dựng ma trận, đặc tả đề kiểm tra, ...).

Tổ chức hội thi giáo viên dạy giỏi cấp trường, có 10 giáo viên đăng ký dự thi, đạt 10/10 giáo viên.

Phong trào thi đua, kết quả xét khen thưởng năm học 2024-2025

* Đơn vị: Đạt danh hiệu tập thể lao động tiên tiến.

* Cá nhân:

Đánh giá viên chức theo NĐ 48 bổ sung NĐ 90 NH 2024-2025 do Hiệu trưởng đánh giá: 04 viên chức HTXS NV, 18 viên chức HTTNV;

Đánh giá viên chức quản lý năm học 2024-2025 do Chủ tịch UBND huyện đánh giá: 03 viên chức quản lý HTTNV;

Tổng cộng năm học 2024-2025 có 04/18 viên chức HTXSNV (18,2%).

Kết quả đạt danh hiệu CSTĐCS: **04** viên chức.

Kết quả đạt danh hiệu LĐTT: **29** viên chức và người lao động.

Thành tích đạt được trong các cuộc thi giành cho giáo viên và học sinh:

+ Giáo viên dạy giỏi cấp huyện: 07 đồng chí

+ Giáo viên dạy giỏi cấp tỉnh: 0 đồng chí

+ Học sinh giỏi các môn văn hoá cấp huyện: 01 giải khuyến khích môn Tiếng Anh lớp 9; 01 giải ba môn Lịch sử-Địa lí lớp 9;.

+ Thi khoa học kỹ thuật giành cho học sinh trung học: 01 giải khuyến khích cấp huyện.

+ Học sinh giỏi các môn văn hoá cấp tỉnh: 01 giải khuyến khích môn Lịch sử-Địa lí lớp 9;.

Trên đây là báo cáo thường niên năm 2025 của trường PTDTBT THCS Nà Khoa, nhà trường công khai đến các cấp quản lý; Lãnh đạo nhà trường; đội ngũ viên chức, người lao động; Cha mẹ học sinh; học sinh nhà trường và nhân dân trên địa bàn để nắm bắt và tiếp tục hỗ trợ nhà trường thực hiện tốt các nhiệm vụ giáo dục trong năm 2026./.

Nơi nhận:

- Bảng tin thông báo NT;
- Đăng trên trang website nhà trường;
- Lưu: VT

HIỆU TRƯỞNG

(Ký tên, đóng dấu)



Nguyễn Văn Công